

NHỚ MÃI 10 THÀNH TỰU KHOA HỌC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VỚI ĐƯỜNG LỐI CHÍNH SÁCH VỀ VÙNG NAM BỘ

NGUYỄN CÔNG BÌNH

Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ 40 năm, với những bản Tổng kết 10 năm, 20 năm, 30 năm, với hàng trăm công trình được xuất bản, hàng trăm hội thảo khoa học, hàng ngàn bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài Viện, hàng vạn dữ liệu được tích lũy... là một gia tài đồ sộ thiết thân cho hôm nay, cho cả ngày mai vì Nam Bộ.

Là một người làm nghiên cứu khoa học 25 năm tại Viện, tâm trí tôi mãi in sâu 10 thành tựu khoa học (10, con số có hàm nghĩa số nhiều), bao gồm nhiều công trình, nhiều hoạt động khoa học có giá trị thiết thực của một Viện nghiên cứu đa ngành phục vụ “phát triển xã hội” với “đường lối chính sách” trên “vùng đất Nam Bộ”.

1. Hội nghị khoa học về *600 năm Nguyễn Trãi, người anh hùng dân tộc đánh thắng quân Minh xâm lược*, được Viện tổ chức năm 1980, vào lúc chiến tranh biên giới phía Tây Nam, chiến tranh biên giới phía Bắc đang diễn ra quyết liệt. 44 bản báo cáo

khoa học của Viện đã đóng góp tích cực vào một cuộc Hội thảo khoa học lớn hơn, cũng về 600 năm Nguyễn Trãi, tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội. Đây là một Hội thảo có sự tham gia đông đảo các học giả trong nước, ngoài nước, dưới sự chủ trì của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Trưởng ban Khoa giáo Trung ương Đảng (Viện Khoa học xã hội tại TP HCM, 1980).

2. Thực hiện Chương trình Đồng bằng sông Cửu Long, Viện tổ chức Hội nghị *Khoa học và thực tiễn về Đồng bằng sông Cửu Long* lần thứ nhất (1981) với 80 báo cáo khoa học của học giả trong Nam ngoài Bắc, có đủ các tỉnh thành Nam Bộ tham dự, dưới sự chủ trì của GS.VS. Nguyễn Khánh Toàn, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (Viện Khoa học xã hội tại TP HCM, 1982). Hội nghị này diễn ra đồng thời với Hội nghị về khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, cũng tại TP HCM, do Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước chủ trì để thực hiện Nghị quyết 148 của Chính phủ về “*Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long*”.

Cùng thời gian đó, Viện cũng thực hiện Chương trình TP HCM, bắt đầu

Nguyễn Công Bình. Giáo sư. Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Biên tập đầu tiên Tạp chí Khoa học Xã hội.

điều tra nghiên cứu hai quận ở trung tâm Thành phố là quận 11 và quận 1 được Bí thư Quận ủy hai quận nhiệt tình hợp tác, hỗ trợ (Viện Khoa học xã hội tại TP HCM, 1982).

Bước đầu thực hiện Chương trình nghiên cứu về Đồng bằng sông Cửu Long và Chương trình TP HCM, Viện đã gặt hái được mấy thành quả đáng khích lệ.

Thứ nhất, tất cả các Ban trong Viện đều tham gia trong tư thế một viện khoa học xã hội đa ngành để nhận diện vùng đất Nam Bộ. Các Ban cùng nhau thực hiện Chương trình “vùng”, có “mục tiêu” trước mắt là khảo sát nghiên cứu “hiện trạng Nam Bộ”. Mục tiêu của Chương trình Vùng phù hợp với mong muốn của Lãnh đạo các tỉnh thành Nam Bộ muốn nhìn thấy hiện trạng địa phương mình dưới góc độ khoa học. Vì vậy, họ tìm đến Viện Khoa học xã hội để bắt tay hợp tác, tài trợ, ký kết hợp đồng nhằm cùng tìm hiểu những vấn đề do cuộc sống đang đặt ra cho nhà khoa học và nhà quản lý xã hội.

Thứ hai, các ngành khoa học lịch sử đi sâu vào cội rễ của hiện trạng, tìm thấy trong lịch sử hình thành Nam Bộ một xã hội Nam Bộ đa tộc người, đa tôn giáo, nhưng đã hội nhập thống nhất vào cộng đồng dân tộc Việt Nam; một Nam Bộ nhạy bén với thị trường trong một cơ cấu kinh tế mang thể chân vạc: miền Tây lúa gạo, miền Đông nguyên liệu và trung tâm công thương nghiệp toàn vùng là Sài Gòn - TP HCM; tóm lại thấy một Nam Bộ đầy tiềm năng phát triển và có sức bật rất

lớn (Viện Khoa học xã hội tại TP HCM, 1982).

Thứ ba, khi các dữ liệu khoa học về quá khứ được kết nối với hiện tại, nó mở rộng tầm nhìn khoa học có tính lịch sử và tính hệ thống về xã hội Nam Bộ, giúp khoa học xã hội thiết thực phục vụ đường lối chính sách của Đảng, trước mắt là Nghị quyết số 37 (4/1981) của Bộ Chính trị về chính sách khoa học, Nghị quyết số 148 (4/1981) của Chính phủ về “Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long”, Nghị quyết số 01 (9/1982) của Bộ Chính trị về TP HCM. Trung ương đã thành lập Tổ Nghiên cứu Chiến lược Nam Bộ do Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt là Tổ trưởng, với các Nhóm trưởng gồm Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP HCM (Lê Văn Triết), Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu (Nguyễn Văn Dỹ), Viện trưởng Viện Khoa học xã hội TP HCM (Nguyễn Công Bình), Viện trưởng Viện Kinh tế TP HCM (Đặng Hữu Ngọc). Công tác nghiên cứu chiến lược Nam Bộ đã đóng góp vào việc xác lập “Vùng Động lực kinh tế phía Nam” rồi “Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam” của Trung ương.

Như vậy, qua mấy năm đầu thành lập Viện, bằng chính các Chương trình đa ngành và thực tiễn nghiên cứu của mình, Viện đã tìm thấy mục tiêu phục vụ của một viện khoa học xã hội đa ngành là “*phát triển xã hội*” với “*đường lối chính sách*” của Đảng về “*vùng đất Nam Bộ*”.

3. Cuộc Điều tra Kinh tế - Xã hội tại 10 xã với 1.000 hộ nông dân thuộc 6 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (1984), là một cái mốc đánh dấu việc lần đầu tiên Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ phối hợp với các tổ chức, các cơ quan nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật cùng thực hiện Chương trình quốc gia *Điều tra cơ bản và tổng hợp Đồng bằng sông Cửu Long* – mã số 60.02 (giai đoạn 1984 - 1986) và Mã số 60B (giai đoạn 1986 - 1988). Tham gia các Chương trình 60.02 và 60B, Viện đạt được 3 kết quả khoa học thiết thực hơn, tiến bộ hơn.

Thứ nhất, tính “liên ngành” hiện ra rõ trong cơ chế phát huy lợi thế của chuyên ngành, được hợp lại bằng cách tập trung những cán bộ giỏi chuyên ngành để cùng nhau phát hiện ra những vấn đề khoa học đang đặt ra cho phát triển xã hội trong quá trình thực hiện đường lối chính sách của Đảng ở vùng Nam Bộ. Trong 60.02 và 60B, lực lượng trụ cột của các ngành Xã hội học, Kinh tế học, Dân tộc học, Sử học, Ngôn ngữ học, Văn học đều đi điều tra định lượng, định tính ở Đồng bằng sông Cửu Long theo các đề tài *Dân cư và lao động, Cơ cấu sản xuất, Phân phối lưu thông, Hệ sinh thái và hệ tộc người, Đời sống vật chất và văn hóa ở Đồng bằng sông Cửu Long* (Ủy ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước, 1986).

Thứ hai, từ sự nghiên cứu “liên ngành” của những cán bộ “gạo cội” của Viện (như Đỗ Thái Đồng, Nguyễn Quang Vinh, Lê Minh Ngọc, Trần Anh

Tuấn, Trần Du Lịch, Trần Xuân Kiêm, Phan An, Mạc Đường...) họ phát hiện ra “Tầng lớp trung nông Nam Bộ”, một tầng lớp xã hội gồm những hộ nông dân có đủ ruộng đất, nông cụ, máy móc, năng lực lao động kỹ thuật, sản xuất hàng hóa, đang đóng vai trò “trung nông hóa” nông thôn nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long. Phát hiện khoa học này đúng vào lúc Đảng đang chuẩn bị Đại hội Đổi mới (1986). Tôi nhớ như in, đồng chí Tư Ánh (Trần Bạch Đằng, nguyên Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương Cục) đã “mượn nóng” các kết quả 60.02, 60B, những đề tài về “Người trung nông” và “Động thái giai cấp” ở Đồng bằng sông Cửu Long (Lê Minh Ngọc, Đỗ Thái Đồng) chuyển ngay cho đồng chí Mười Cúc (tức Nguyễn Văn Linh, Bí thư Thành ủy, người đã thay mặt Trung ương Cục ký Quyết định thành lập Viện Khoa học xã hội miền Nam (12/9/1975) và là vị Tổng Bí thư tương lai đang sửa soạn đường lối Đổi mới trình Đại hội VI năm 1986).

Thứ ba, thành quả từ các Chương trình 60.02, 60B đã “bắc cầu” cho Viện tham gia vào một Chương trình cấp Nhà nước lớn hơn – Chương trình *Quy hoạch tổng thể Đồng bằng sông Cửu Long - Mekong Delta Master Plan*, mã số VIE87/031, 1989 - 1993, do Chính phủ Việt Nam hợp tác với Ngân hàng Thế giới, Ủy ban Quốc tế Mekong Lâm thời, Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc, giao cho Công ty Nghiên cứu Hà Lan NEDECO phối hợp với các Tổ nghiên cứu của các

Bộ, các ngành thực hiện, trong đó có Tổ nghiên cứu Kinh tế - Xã hội của ngành khoa học xã hội Việt Nam. Tổ Kinh tế - Xã hội đã làm cuộc Điều tra kinh tế - xã hội - nông nghiệp, điều tra định lượng định tính 640 hộ nông dân, 350 phụ nữ trên địa bàn ở 16 xã có vùng sinh thái khác nhau của Đồng bằng sông Cửu Long (Tổ nghiên cứu Kinh tế - Xã hội - VIE87/031, 1991).

Bản Phúc trình phân tích cuộc điều tra thuộc VIE87031, không có gì đảo ngược lại kết quả của Chương trình 60.02, 60B, nhưng đưa ra những kết luận sâu sắc và cụ thể hơn: Kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long là nền kinh tế nông nghiệp, 84% dân số ở nông thôn, 85% dân cư làm nông nghiệp, 5% làm tiểu thủ công nghiệp. Dân số tại đây đang “bùng nổ”⁽¹⁾ (Tổ Kinh tế - Xã hội - VIE87/031, 1991), diện tích đất canh tác/đầu người và sản lượng lương thực/đầu người bị giảm sút đáng lo ngại. Đặc biệt hơn, trong các hợp tác xã đang “làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa” thì năng suất lao động của xã viên “giảm tụt đáy”. Và trong cái ruột của các hợp tác xã thì nông hộ vẫn là “đơn vị sản xuất cơ bản”, là “đơn vị tự chủ trong sản xuất kinh doanh”, là “động lực cho nền sản xuất hàng hóa có hình thái tiểu nông”. Kết luận có tính khám phá đó đã thành căn cứ khoa học vững chắc để Bộ Chính trị, Trung ương Đảng ra Nghị quyết 10-NQ/TW (4/1988) về “khoán hộ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2007, tập 49), và tháng 3/1989, Nghị quyết 06-NQ/TW của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 6 khóa VI đã

đưa ra “các chính sách mới nhằm giải phóng mọi lực lượng sản xuất để phát triển nền sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, thực hiện Chương trình 3 mục tiêu về lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2007, tập 49, tr. 476). Những nghị quyết đổi mới này đã đi thẳng vào đời sống xã hội, như những trận mưa rào trong cơn đại hạn, khiến Đồng bằng sông Cửu Long chuyển mình lớn bổng lên như người khổng lồ, trở thành “vùng trọng điểm số 1 về lương thực thực phẩm của cả nước”. Nhờ đó, từ 1990 xuất khẩu gạo của Việt Nam tăng vọt. Từ thành thị đến nông thôn, trong Nam ngoài Bắc sức sống bừng lên mãnh liệt theo đà phát triển của công cuộc Đổi mới.

Trong quá trình thực hiện chương trình 60.02, 60B, VIE87/031, Viện cũng cho ra mắt một số công trình mang tính tổng hợp: *Văn hóa và cư dân Đồng bằng sông Cửu Long* (Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường, do Toyota Foundation tài trợ, 1990); *Miền Nam trong sự nghiệp Đổi mới của cả nước* (Nguyễn Công Bình, Nguyễn Quang Vinh, Đỗ Thái Đồng và nhiều tác giả, 1990).

4. Xuất phát điểm của miền Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội (mã số A.202), *Cơ cấu xã hội và chính sách xã hội ở TPHCM* (mã số A.404), *Vấn đề dân tộc ở Nam Bộ* (mã số A.406) là những đề tài nhánh của Viện Khoa học xã hội tại TPHCM trong Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước *Những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và*

con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta do Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì, thực hiện từ cuối những năm 1980. Lúc này, đã qua 60.02, 60B, VIE87/031 Viện Khoa học xã hội tại TP HCM có lực lượng, có kinh nghiệm để “hoàn thành nhiệm vụ” của cấp trên. Một số công trình đã được hoàn tất và xuất bản: *Đồng bằng sông Cửu Long nghiên cứu phát triển* (Nguyễn Công Bình, Đỗ Thái Đồng, Nguyễn Quang Vinh, Nguyễn Quới, 1990); *Đặc điểm xuất phát của Miền Tây Nam Bộ đi vào Đổi mới, phát triển, nhìn từ góc độ lịch sử* (Nguyễn Công Bình, Chương trình KX.01 xuất bản, Hà Nội, 1995); *Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và các mục tiêu xã hội* (Đỗ Thái Đồng, Chương trình KX.01). *Lựa chọn chính sách đối với trí thức* (Đỗ Thái Đồng, Chương trình KX.04).

Cuốn sách *Người Việt Nam ở nước ngoài* của Trần Trọng Đăng Đàn (Nxb. Chính trị Quốc gia, 1997) cũng là một công trình tham gia KX.01 đậm tính thời sự. Trước và sau 1975, Việt Nam có 3 triệu người di tản ra nước ngoài, những tưởng đây sẽ là một áp lực đối với Việt Nam sau chiến tranh, nhưng nhờ đường lối đại đoàn kết dân tộc, chính sách ngoại giao đa dạng hóa đa phương hóa của Đảng, nên người Việt Nam ở nước ngoài lại dần trở thành một động lực mới cho Việt Nam hội nhập vào khu vực và thế giới. Trong bối cảnh đó, ấn phẩm *Người Việt Nam ở nước ngoài* của Trần Trọng Đăng Đàn được nhiều người ở gần xa tìm đọc.

5. Vấn đề giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa ở TP HCM (Nxb. Khoa học Xã hội, 2001, đồng chủ biên Nguyễn Thế Nghĩa, Mạc Đường, Nguyễn Quang Vinh), là một đề tài nghiên cứu lớn, đã vận dụng những lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học có hiệu quả (nhất là xã hội học, nhân học, kinh tế học) vào “một đối tượng nghiên cứu liên ngành của các khoa học xã hội và nhân văn” (Mạc Đường, 2000). Những người nghiên cứu chọn mẫu điều tra xã hội từ phường Cầu Kho (quận 1), phường 6 (quận Tân Bình), xã Bình Trị Đông (huyện Bình Chánh) của TP HCM để nhận diện “nghèo tuyệt đối, nghèo tương đối”, với quan điểm rằng giúp người nghèo thì không phải là “cho con cá” mà là “đưa cần câu” để người nghèo có “vốn xã hội” tự vượt nghèo.

Đề tài về xóa đói giảm nghèo được thực hiện với sự hợp tác của Hội đồng Khoa học xã hội Hoa Kỳ (SSRC), do Ford Foundation tài trợ, đi vào một vấn đề xã hội nóng bỏng ở TP HCM, nơi xuất phát “Phong trào xóa đói giảm nghèo” của cả nước, để phục vụ “*Chương trình mục tiêu Quốc gia xóa đói giảm nghèo 1998 - 2000*” của Chính phủ. Đề tài đã góp phần đi tìm lời giải khoa học cho một vấn đề xã hội đang nan giải của thế giới, rằng bằng “xóa đói giảm nghèo”, Việt Nam thực hiện “Phát triển xã hội”, và phương thức này bắt đầu chứng tỏ hiệu quả, như Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (1999) đã nhận định: “Tốc độ giảm nghèo đói ở Việt Nam là một tốc độ cao nhất ghi nhận được trên thế giới”.

6. *Văn hóa Óc Eo, những khám phá mới* (1995), trong công trình này, các tác giả Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải thuật lại tường tận một thành tựu khảo cổ nổi bật nhất của Trung tâm Khảo cổ học của Viện, hơn nữa cũng là của cả nước. Từ thăm dò lòng đất, đi tìm phế tích, soi rọi những nền văn minh cổ xưa, các nhà khảo cổ đã làm “sống lại” nền văn minh Óc Eo rực rỡ, và dựng lại một “bản đồ” di tích Óc Eo trải khắp vùng Nam Bộ. Hồi đó, GS. Phạm Huy Thông, Viện trưởng Viện khảo cổ học Việt Nam thường qua lại Hà Nội - TPHCM, đem đến sự hỗ trợ của giới khảo cổ học cả nước cho khảo cổ học miền Nam. GS.VS. Nguyễn Khánh Toàn, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam cũng về tận Long Xuyên, An Giang dự Hội nghị *Thông báo văn hóa Óc Eo và các văn hóa cổ ở Đồng bằng sông Cửu Long* (1983).

Thành tựu khoa học về văn hóa Óc Eo đã cho chúng ta ngày nay được chiêm ngưỡng một nền văn hóa cổ lầy lừng trên vùng đất phía cực Nam Tổ quốc, được nhìn thấy sự “lụi tàn” nhanh của nền văn hóa Óc Eo, sự “biến mất” của xã hội Óc Eo, tạo thành một “đứt gãy” văn hóa ở miền đất này kéo dài suốt 10 thế kỷ (từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XVII), cho đến khi những lưu dân Việt đến khai phá vùng đất Óc Eo xưa mông mênh, hoang vắng, lạ lẫm, đầy dã thú, đất đai ngập mặn, phèn chua. Thắng lợi huy hoàng của nền văn minh nông nghiệp lúa nước Việt Nam ở miền Tây Nam Bộ ghi dấu một biến đổi lịch sử của nước Việt

Nam thống nhất từ Mục Nam Quan đến mũi Cà Mau. Ngày nay, khi miền Tây Nam Bộ đi tới hoàn thành công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông thôn nông nghiệp, nước Việt Nam sẽ lại ghi tiếp một biến đổi lịch sử: Từ nền văn minh nông nghiệp chuyển thành nền văn minh công nghiệp hiện đại.

7. Hội thảo khoa học *Cần Thơ, lịch sử và phát triển* (6/2000) (do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ phối hợp với Viện Khoa học xã hội tại TPHCM, tổ chức) đánh dấu mốc mở đầu cho một “chuỗi” hội thảo khoa học của Viện Khoa học xã hội tại TPHCM kết hợp với các tỉnh thành Nam Bộ. Chuỗi Hội thảo khoa học này được thực hiện cũng bởi Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt gợi ý cho các tỉnh thành Nam Bộ cùng Viện Khoa học xã hội tại TPHCM tập hợp lực lượng trí thức khoa học tự nhiên, kỹ thuật cùng khoa học xã hội bàn thảo để góp vào *Đổi mới Nam Bộ*.

Trước và sau *Cần Thơ, lịch sử và phát triển* (6/2000) là *Kinh tế Vĩnh Long bước vào năm đầu thế kỷ XXI* (11/2000), *Kinh tế An Giang* (10/1999), *Quy hoạch Gò Tháp Mười Đồng Tháp* (7/1999), *Kinh tế - Xã hội An Giang*, *Kinh tế - Xã hội Kiên Giang*, *Giai cấp công nhân Đồng Nai* (2002)... Và lớn nhất là Hội thảo Khoa học do Ban Chỉ đạo miền Tây, Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân Cần Thơ kết hợp với Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ tổ chức năm 2004, ra 4 tập *Thông báo khoa học về Tự nhiên, Kinh tế, Xã hội, Văn hóa theo chủ đề “Vì sự phát triển Đồng bằng sông Cửu Long”*.

Chuỗi Hội thảo khoa học của Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ kết hợp với các tỉnh thành Nam Bộ chứng minh rằng Viện luôn gắn kết chức năng đa ngành với phát triển thực tiễn Nam Bộ, đáp ứng một nhu cầu có thực và ngày càng lớn: phát triển toàn diện vùng đất Nam Bộ đồng thời cũng phải phát triển hệ thống khoa học liên ngành ở vùng này.

8. Địa chí Long An (1989) của Thạch Phương được tỉnh Long An xuất bản năm 1989, có vai trò như một “cú hích” cho nhiều tỉnh thành Nam Bộ “xăm xắn” làm địa chí tỉnh mình: Bến Tre, Tiền Giang, An Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Cà Mau, Đồng Nai, Sông Bé, Bình Dương, Tây Ninh... Dạng công trình khoa học này “khó” trong bút pháp “miêu tả” (miêu tả, chứ không lập luận logic). Và “khó hơn” trong miêu tả mối quan hệ giữa “Đất và Người”, tức là miêu tả sự quện chặt vào nhau giữa hệ thống sinh thái tự nhiên và hệ thống sinh thái nhân văn rất đa dạng, thường xuyên biến đổi ở từng tỉnh cũng như toàn vùng Nam Bộ. “Đất” Nam Bộ có biển bao 3 mặt, có con sông lớn nhất Đông Nam Á, có núi rừng, hải đảo, có đất ngọt, mặn, phèn, chua, thay đổi từng ngày theo nước triều lên xuống. “Người” Nam Bộ đa tộc người, đa tôn giáo, văn hóa đa dạng, thay đổi theo lịch sử xã hội và thiên nhiên. Người dân các tỉnh muốn hiểu “đất và người” tỉnh mình hôm qua để điều chỉnh, cân bằng, đổi mới “đất và người” hôm nay vì cuộc sống tốt đẹp của họ. Địa chí một tỉnh là kết quả sự vận dụng, phối

hợp nhiều ngành khoa học sát sao với “đất và người” tại ngay địa bàn tỉnh đó, là việc làm vượt lên trên sức của một nhà khoa học chuyên ngành.

Thạch Phương đã biết cách nối dài bàn tay khối óc để “nằm lòng” “đất và người” Long An, hái trọn trái ngọt ngay trên đất Long An. Tôi còn nhớ, Ông Chín Cần (Nguyễn Văn Chín) Bí thư Tỉnh ủy Long An, trong buổi ra mắt *Địa chí Long An* đã dí dỏm khen tác giả Thạch Phương: “Ông là nhà trí thức mà lợi ruộng Long An còn giỏi hơn cả chúng tôi”. Tôi ngắm nghía Địa chí của Thạch Phương thán phục người “anh trai làng Văn”⁽²⁾ mà luyện võ “liên ngành” xông pha nơi trận địa địa chí. Các công trình địa chí của Thạch Phương đã được các tỉnh thành xuất bản và tái bản nhiều lần.

9. Viện không có Trung tâm Từ điển học, nhưng đã cho ra mắt những Từ điển quý, đáp ứng yêu cầu của rất đông độc giả.

Từ điển Hồ Chí Minh sơ giản (1990), chủ biên Tôn Nữ Quỳnh Trân, một đảng viên từng hoạt động bí mật tại nội thành Sài Gòn trước 1975, tác giả xây dựng từ điển Hồ Chí Minh để bày tỏ tấm lòng mình với Người anh hùng giải phóng dân tộc, Chiến sĩ hòa bình, Nhà văn hóa thế giới nhân dịp kỷ niệm 100 năm sinh nhật Người. Từ điển Hồ Chí Minh xuất bản lần đầu năm 1990 và được tái bản vào năm 2000.

Từ điển *Thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh* (Thạch Phương, Lê Trung Hoa và nhiều cộng sự, 2001) hoàn thành vào dịp Kỷ niệm 300 năm Thành phố

Sài Gòn. Với 1.100 trang, 1.100 mục từ, từ điển giới thiệu lịch sử, sự kiện, nhân vật, địa danh, đường phố, kinh tế, văn hóa, tác phẩm, báo chí - xuất bản của Sài Gòn - TPHCM, giúp người dân TPHCM biết những điều thiết thân với cuộc sống hôm nay và nhận ra xuyên suốt 300 năm “Sài Gòn vì cả nước, cả nước vì Sài Gòn”.

Từ điển Annam - Lusitan - Latinh, thường gọi là *Từ điển Việt - Bồ - La*, dịch từ *Dictionnarium Annamiticum - Lusitanum - Latinum* của Alexandre De Rhodes, xuất bản lần đầu ở Rome năm 1651, dịch giả Thanh Lãng, Đỗ Quang Chính, Hoàng Xuân Việt, do Viện Khoa học xã hội tại TPHCM xuất bản năm 1991. Với 9.000 mục từ Việt, hơn một vạn từ Việt khác dẫn ra để diễn nghĩa các mục từ Việt, người đọc sẽ hiểu được ngữ nghĩa mục từ Việt, qua đó hiểu được sắc thái văn hóa Việt Nam hồi thế kỷ XVII. Tôi muốn nhấn mạnh rằng cuốn từ điển quý này là sự kết nối thành công về mặt khoa học giữa Viện Khoa học xã hội tại TPHCM với giới trí thức cao cấp Thiên Chúa giáo. Vào lúc các học giả uyên bác Thiên Chúa giáo làm *Từ điển Việt - Bồ - La* thì Viện phối hợp với các linh mục Phan Khắc Từ, linh mục Thiện Cẩm, linh mục Trương Bá Cần, GS. Lý Chánh Trung, có sự tham dự của GS. Phạm Như Cương, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, cùng nhau tổ chức Hội thảo khoa học bàn về *Lịch sử Đạo Thiên Chúa trong lịch sử dân tộc Việt Nam* vào ngày 11 - 12/3/1988, nhân sự kiện một số người Việt Nam được Giáo hội

Thiên Chúa giáo phong Thánh. Lúc đó, trong thâm tâm tôi cảm thấy vui mừng vì nền khoa học xã hội Việt Nam đã lên ngôi trở thành khoa học của mọi tầng lớp trí thức trên Miền đất phương Nam. (Viện Khoa học xã hội và Ban Tôn giáo TPHCM ấn hành, 1988).

10. Tôi dành thành tựu thứ 10 cho Cơ sở Đào tạo sau đại học của Viện. Sau khi được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép thành lập Cơ sở Đào tạo (1985), Viện huy động lực lượng cốt cán, mời thêm các nhà khoa học bên ngoài, mở các ngành đào tạo Sử học, Dân tộc học, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học. GS. Trần Phương, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam cho rằng: chỉ có 20% người mới tuyển trở thành người nghiên cứu khá - giỏi. Đào tạo trên đại học là cần thiết để có lớp nghiên cứu kế cận giỏi. Sau tiếng trống khai trường, Cơ sở Đào tạo thuộc Viện đã có những bước đi khỏe khoắn, đúng quỹ đạo, đào tạo thành công nhiều lớp học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tôi có ấn tượng rất đẹp với những cán bộ của Viện vừa là nhà giáo, vừa là nhà quản lý, mà vẫn là những nhà khoa học có tên tuổi: PGS.TS. Mạc Đường, Viện trưởng, Giám đốc Cơ sở đào tạo, nhà dân tộc học đầu ngành. PGS. Lê Xuân Diệm, Phó Viện trưởng, nhà khảo cổ học đầu ngành ở miền Nam. PGS. Hồ Lê, Phó Viện trưởng, một trong những nhà ngôn ngữ học đầu ngành. PGS. Huỳnh Lứa, PGS. Cao Xuân Hạo là những nhà khoa học đã cống hiến hết mình cho Cơ sở đào

tạo, cũng là những “cánh chim đầu đàn” trong khoa học của Viện.

Tôi cảm phục nhiều tân tiến sĩ của Cơ sở Đào tạo sau đại học, do tài năng và ý chí phấn đấu, đã rất thành đạt, được xã hội trọng thị, hầu hết họ đều trở thành các nhà nghiên cứu, giảng viên, là người lãnh đạo, quản lý nhiều cấp ở Viện, ở các trường đại học và các địa phương.

Mười thành tựu khoa học nói trên chưa phải là tất cả, nhưng là những vầng hào quang lấp lánh của một viện khoa học xã hội đa ngành, 40 năm qua đã biết tạo ra cơ chế quy tụ được lực lượng khoa học từ bên trong, kết nối được các lực lượng ở bên ngoài để sáng tạo những giá trị khoa học, chứng minh vai trò của nền khoa học xã hội Việt Nam nhắm vào hai mục tiêu gắn kết với nhau là “Phát triển xã hội” cùng với “Đường lối đổi mới” trên vùng đất Nam Bộ.

Đi tìm nguồn gốc 10 thành tựu ấy, chắc chắn phải tìm từ nhiều Nghị định, Quyết định của Chính phủ và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, từ nhiều Chương trình khoa học của Viện trong bốn thập kỷ qua. Riêng tôi là một người nghiên cứu tại Viện, tôi luôn tâm niệm một câu, xem như kim chỉ Nam cho hành động khoa học, cũng như cảm nang cho phát triển, đó là “xuất phát từ thực tiễn Nam Bộ, trở về phát triển thực tiễn Nam Bộ”.

Câu đó có nghĩa là: nắm vững đường lối chính sách, nhưng không nhằm thuyết minh đường lối chính sách, mà

phải từ thực tiễn Nam Bộ, sáng tạo luận cứ khoa học làm sáng tỏ đường lối chính sách. Ví như, phải chứng minh bằng khoa học, làm rõ chân lý “Nam Bộ là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam” (Lời Bác Hồ), làm rõ chủ trương “Sài Gòn cùng cả nước, vì cả nước” (Chủ trương của Thành ủy Sài Gòn 1975), hay làm rõ đường lối “cả nước dồn sức cho Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Cửu Long dồn sức cho cả nước” (Đường lối công nghiệp hóa - hiện đại hóa Đồng bằng sông Cửu Long).

Nghĩa là vận dụng phép biện chứng của chủ nghĩa duy vật, nhưng không rập khuôn câu chữ của sách kinh điển, mà phải đào sâu mối quan hệ biện chứng thực sự có trong thực tiễn đối tượng, từ đó sáng tạo ra lý luận phù hợp với thực tiễn đối tượng, góp vào bậc thang nhận thức của xã hội.

Là tuân thủ sự lãnh đạo chỉ đạo của Viện cấp trên, nhưng chủ động, sáng tạo nghiên cứu từ chính địa bàn mình được giao phó để có sản phẩm giá trị, góp vào thành tựu chung của toàn ngành khoa học xã hội.

Là từ một Viện đa ngành được trao, biết tìm ra cơ chế để hợp thành nội lực liên ngành, biến nó thành thứ vũ khí hiện đại, tập hợp được một đội quân thiện chiến về trí tuệ, cùng hợp đồng chiến đấu trên một trận địa tiền phương là Nam Bộ, giành những chiến công khoa học, tăng giá trị viện khoa học xã hội đa ngành trên vùng đất Nam Bộ.

Tôi đã tìm thấy sợi chỉ đỏ “Từ thực tiễn trở về thực tiễn” xuyên suốt 10 thành tựu khoa học vừa kể.

Từ khi thành lập Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, vị thế của Viện Khoa học xã hội ở TPHCM được thay đổi. Lãnh đạo Viện Hàn lâm không chỉ củng cố bức tường thành khoa học xã hội ở Trung ương, làm chỗ dựa vững chắc cho Viện chúng ta ở TPHCM, mà còn cất đi cho Viện danh hiệu “Viện phát triển bền vững”, trở về với tên Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, chỉ đạo cho Viện Khoa học xã hội giữ vững cơ cấu Viện đa ngành, tập trung vào vùng Nam Bộ. Viện được củng cố về tổ chức, có Viện trưởng mới và có Trụ sở mới khang trang.

Phải chăng đây là cơ hội mới cho Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ phát triển? Tuy nhiên, Nam Bộ sau 30 năm Đổi mới đã thay da đổi thịt rất nhiều và đang thay đổi mạnh trong bối

cảnh Đổi mới - Phát triển - Hội nhập - Biến đổi khí hậu toàn cầu. Vì vậy, cơ hội cũng là thách thức, thách thức là phải có những công trình khoa học mới, có giá trị, cống hiến thiết thực cho Nam Bộ trong thời kỳ mới, đất nước chủ động hội nhập sâu, đổi mới toàn diện.

Chúng tôi chúc Lãnh đạo Viện từ Lễ Kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Viện, sẽ đúc kết được tri thức, kinh nghiệm tích lũy 40 năm qua, tạo thành vốn liếng mới, động lực mới để Viện chúng ta mạnh bước trên vùng đất “đắc địa” cho khoa học xã hội là vùng đất Nam Bộ.

Bài viết này là của một người già kể lại những niềm vui khoa học của Viện, cũng là lời tri ân Viện – Ngôi nhà đã cho tôi một đời sống khoa học trong suốt 25 năm – một phần tư thế kỷ đời người. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Trong số Phụ nữ đã lập gia đình mà VIE87/031 điều tra xã hội học, có 65% muốn đẻ 4 - 5 con trở lên, chỉ có 15% muốn đẻ 2 con.

⁽²⁾ Thạch Phương (Nguyễn Liệu): Nghiên cứu viên cao cấp ngành Văn học của Trung tâm Nghiên cứu Văn học, Viện Khoa học xã hội tại TPHCM.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ. 2004. *Thông báo Khoa học* (4 tập).
2. Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc. 1999. *Hướng tới tương lai. Báo cáo đánh giá chung về tình hình Việt Nam*. Tháng 12/1999.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2007. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 49. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
4. Đỗ Thái Đồng. *Quan hệ sản xuất và động thái giai cấp ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Đề tài 60B-05-02. Chương trình 60B.
5. Lê Minh Ngọc. 1982. *Về tầng lớp trung nông ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Trong *Một*

- số vấn đề khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
6. Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải. 1995. *Văn hóa Óc Eo, những khám phá mới*: Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
7. Mạc Đường. 2000. *Khoa học xã hội trong tầm nhìn phát triển nghiên cứu các vấn đề đói nghèo*. Trong Viện Khoa học xã hội. *Những thành tựu nghiên cứu khoa học xã hội*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
8. Ngân hàng Thế giới (World Bank), Ủy ban Quốc tế Mekong Lâm thời (Interim Mekong Committee), Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (United Nations Development Programme) (tài trợ). 1991. *Mekong Delta Master Plan - Quy hoạch tổng thể Đồng bằng sông Cửu Long* (VIE87/031). 13/5/1991.
9. Nguyễn Công Bình, Đỗ Thái Đồng, Nguyễn Quang Vinh, Nguyễn Quới. 1990. *Đồng bằng sông Cửu Long nghiên cứu phát triển*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
10. Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường. 1990. *Văn hóa và cư dân Đồng bằng sông Cửu Long*, (Toyota Foundation tài trợ). Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
11. Nguyễn Công Bình, Nguyễn Quang Vinh, Đỗ Thái Đồng và nhiều tác giả. 1990. *Miền Nam trong sự nghiệp Đổi mới của cả nước*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
12. Nội san số 3 (5/1990). Các đề tài khoa học xã hội. Chương trình 60B.
13. Thạch Phương, Lê Trung Hoa. 2001. *Từ điển thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
14. Thạch Phương, Lưu Quang Tuyền. *Địa chí Long An*. 1989. Long An: Nxb. Long An.
15. Tổ Kinh tế - Xã hội. VIE87/031. *Phúc trình Phân tích cuộc Điều tra kinh tế - xã hội - nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long*. 7/1991.
16. Tôn Nữ Quỳnh Trân, Lê Văn Năm. 1990. *Từ điển Hồ Chí Minh sơ giản*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
17. Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ và Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ. 2000. *Cần Thơ - lịch sử và phát triển*.
18. Ủy ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước. 1986. *Báo cáo Tổng hợp Chương trình 60.02*.
19. Viện Khoa học xã hội tại TPHCM. 1980. *Nguyễn Trãi* (tài liệu hội thảo, TPHCM, 7/1980).
20. Viện Khoa học xã hội tại TPHCM. 1982. *Một số vấn đề khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
21. Viện Khoa học xã hội tại TPHCM, Ban Kinh tế học. *Hiện trạng kinh tế quận 11*.
22. Viện Khoa học xã hội tại TPHCM, Ban Dân tộc học. *Người Hoa ở quận 11*.
23. Viện Khoa học xã hội và Ban Tôn giáo TPHCM. 1988. *Một số vấn đề lịch sử đạo Thiên Chúa trong lịch sử dân tộc Việt Nam* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học tại TPHCM, ngày 11 và 12/3/1988).